TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẢNG BOM** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 103/2019/HNGĐ-ST Ngày 29 - 11 - 2019. V/v "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM - TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Ngô Thị Như Quỳnh.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Xuân Tuất và ông Doãn Đức Hùng.

- ***Thư ký phiên toà***: Ông Đào Duy Mạnh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên toà:*** Ông Phạm Hữu Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 389/2019/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2019, về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 85/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 24 tháng 10 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 138/2019/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn***: Chị Trần Thị Bích H, sinh năm 1988. Trú tại: Tổ 5, ấp N, xã S, thành phố L, tỉnh Đồng Nai.

- ***Bị đơn***: Anh Lê Văn H1, sinh năm 1988. Trú tại: Số 264, tổ 4, ấp 2, xã S, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

(Chị H xin vắng mặt, anh H1 vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại phiên tòa hôm nay chị Trần Thị Bích H có đơn xin xét xử vắng mặt. Tuy nhiên trong đơn khởi kiện, trong quá trình chuẩn bị xét xử chị H trình bày:***

Chị và anh Lê Văn H1 tự nguyện yêu thương, chung sống với nhau có đăng ký kết hôn và được UBND xã S, huyện L, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 35/2010, ngày 19/4/2010.

Về con chung: Chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung là Lê Thị Minh A, sinh ngày 25/4/2011 và Lê Minh H2, sinh ngày 10/5/2016. Chị H không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị H khai không có.

Nguyên nhân chị xin ly hôn với anh H1: Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi nhau. Anh H1 không quan tâm đến gia đình, không phụ giúp chị về mặt kinh tế và không chia sẻ trách nhiệm trong việc chăm sóc, nuôi dạy con cái, chị đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng anh không nghe. Hiện tại chị và anh H1 đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm chị dành cho anh H1 không còn, nên chị H yêu cầu ly hôn với anh H1.

* ***Trong suốt quá trình chuẩn bị xét xử anh H1 chỉ nộp cho Tòa án bản tự khai, tại phiên tòa ngày 12/11/2019 và phiên tòa ngày hôm nay anh Lê Văn H1 đều vắng mặt không có lý do. Tòa án đã tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật cho anh H1.***

Trong bản tự khai anh H1 cũng đồng ý ly hôn với chị H, vì anh cho rằng cuộc sống chung của vợ chồng không hòa hợp với nhau; Về con chung anh yêu cầu được nuôi con trai Lê Minh H2, còn 01 con chung Lê Thị Minh A, anh đồng ý để cho vợ nuôi dưỡng; Về tài sản chung và nợ chung anh không có ý kiến gì.

* ***Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom phát biểu ý kiến***:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng.

Về đường lối giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Tòa án chấp nhận cho chị Trần Thị Bích H được ly hôn với anh Lê Văn H1;

Về con chung: Giao 02 con chung là Lê Thị Minh A, sinh ngày 25/4/2011 và Lê Minh H2, sinh ngày 10/5/2016 cho chị Trần Thị Bích H trực tiếp, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Chị H không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Chị H khai không có nên không xem xét giải quyết.

Về án phí buộc chị H phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] ***Về tố tụng dân sự*****:** Chị Trần Thị Bích H có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai giải quyết ly hôn của chị với anh Lê Văn H1 và yêu cầu về nuôi con chung vì vậy quan hệ pháp luật được xác định là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

Trong suốt quá trình chuẩn bị xét xử, tại phiên tòa xét xử vụ án Tòa án đã tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho bị đơn anh Lê Văn H1 nhưng anh H1 đều vắng mặt. Tại phiên tòa lần đầu và tại phiên tòa ngày hôm nay anh H1 vẫn không đến tham gia. Căn cứ vào điểm b, khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự phiên tòa vẫn được tiến hành.

Chị Trần Thị Bích H có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự phiên tòa vẫn được tiến hành.

[2] ***Về nội dung vụ án*****:**

2.1. Về quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị Bích H và anh Lê Văn H1 là hợp pháp, vì lấy nhau tự nguyện, được cấp có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận kết hôn theo đúng quy định tại Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2001, không vi phạm các điều kiện cấm kết hôn quy định tại Điều 9 - Luật hôn nhân và gia đình năm 2001 nên được pháp luật bảo vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Bích H thì thấy: Mâu thuẫn giữa vợ chồng của chị H, anh H1 đã xảy ra trong thời gian dài. Nguyên nhân do tính tình không hợp bất đồng về quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, xúc phạm nhau. Anh H1 không quan tâm đến gia đình, không phụ giúp chị về mặt kinh tế và không chia sẻ trách nhiệm trong việc chăm sóc, nuôi dạy con cái. Mâu thuẫn gia đình đã nhiều lần hàn gắn nhưng không có kết quả. Tình cảm dành cho anh H1 không còn nên chị H yêu cầu ly hôn với anh H1. Tòa án đã giao thông báo thụ lý vụ án cho anh H1, anh chỉ có bản tự khai nộp cho Tòa án, anh cũng đồng ý ly hôn vì cuộc sống chung không còn H1 phúc. Tòa án cũng đã thông báo hòa giải để cho anh, chị có cơ hội gặp gỡ hòa giải đoàn tụ với nhau nhưng anh H1 vắng mặt. Tại phiên tòa lần đầu và ngày hôm nay anh H1 vắng mặt không có lý do. Thể hiện bản thân anh H1 cũng không có thiện chí hàn gắn mâu thuẫn gia đình với chị H. Ngoài ra Tòa án cũng đã tiến hành xác minh mâu thuẫn của chị H, anh H1 theo kết quả xác minh hiện anh H1 có đăng ký hộ khẩu tại địa chỉ trên, còn cụ thể mâu thuẫn của vợ chồng anh chị như thế nào thì địa phương không nắm rõ, do chị H và anh H1 không gửi đơn yêu cầu hòa giải tại địa phương. Qua những phân tích trên thể hiện cuộc sống hôn nhân của chị H, anh H1 không có sự yêu thương, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình đã vi phạm quyền, nghĩa vụ của vợ chồng. Xét thấy mâu thuẫn trong cuộc sống hôn nhân của chị H, anh H1 đã trầm trọng, không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân

không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cần chấp nhận yêu cầu của chị H về việc yêu cầu ly hôn với anh H1.

2.2. Về con chung: Chị Trần Thị Bích H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung là Lê Thị Minh A, sinh ngày 25/4/2011 và Lê Minh H2, sinh ngày 10/5/2016. Chị H không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con chung.

2.2.1. Xét yêu cầu nuôi dưỡng 02 con chung của chị H thì thấy: Anh H1 đã được Tòa án thông báo về yêu cầu khởi kiện nuôi con chung của chị H, anh H có nộp cho Tòa án bản tự khai anh cũng có nguyện vọng được nuôi cháu Lê Minh H2, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh lên làm việc để hòa giải, công khai chứng cứ nhưng anh đều vắng mặt. Tại phiên tòa ngày 12/11/2019 và phiên tòa ngày hôm nay anh H1 cũng không đến Tòa tham gia. Chị H, anh H1 đã sống ly thân với nhau từ năm 2018, cháu A và cháu H2 đang được chị H trực tiếp chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng từ khi sống ly thân đến nay; Bản thân cháu A cũng có nguyện vọng được ở với chị H, cháu H2 còn nhỏ, đến thời điểm xét xử cháu H2 mới được 3 tuổi 4 tháng. Chị H có công việc, thu nhập và nơi ở ổn định, để tránh ảnh hưởng đến cuộc sống của các cháu nên căn cứ vào Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của chị H.

2.2.2. Chị H không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2.3. Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2.4. Về nợ chung: Chị H khai không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] ***Về án phí sơ thẩm***: Buộc chị H phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Xét đề nghị nêu trên của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom thì thấy phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228; Điều 238; Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84; Điều 119 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Bích H. Cho chị Trần Thị Bích H được ly hôn với anh Lê Văn H1.

2. Về con chung: Giao cả 02 con chung là Lê Thị Minh A, sinh ngày 25/4/2011 và Lê Minh H2, sinh ngày 10/5/2016 cho chị Trần Thị Bích H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Tạm thời anh Lê Văn H1 không phải đóng góp cho chị H tiền cấp dưỡng nuôi 02 con chung.

Không ai được cản trở quyền đi lại, thăm nom và chăm sóc con chung của anh H1.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại Điều 119 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị H khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị Bích H phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, số tiền này được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), theo biên lai thu số 0006716 ngày 22/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bom. Chị H đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Chị H, anh H1 có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án này theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Trảng Bom;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- UBND xã S;
- Chi cục T.H.A. dân sự huyện Trảng Bom;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Thị Như Quỳnh